

### Bài 5:

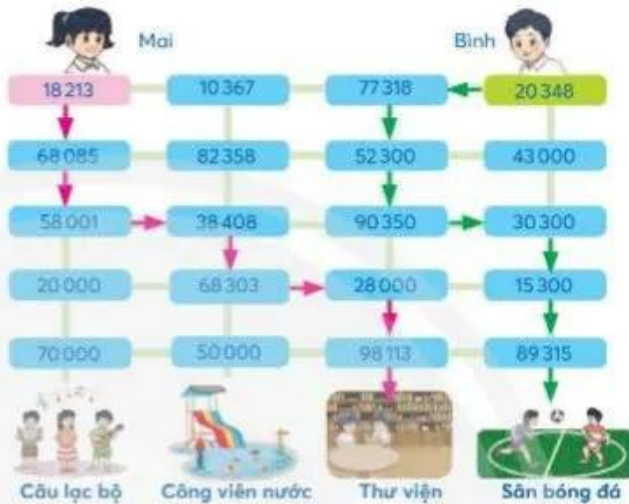
- Nhóm đôi **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu của bài.
- HS **thảo luận**, tìm cách thực hiện. Các em **nhận biết**:  
Các số trên từng tia số là các số: tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **đọc** xuôi, ngược, **đọc** số bất kì trên tia số.

### Vui học

HS thảo luận để tìm đúng đường đi cho bạn Mai và bạn Bình.

- HS (nhóm đôi) **tim hiểu** bài, **nhận biết**:

- Mai đi theo các số có chữ số **8** ở hàng nghìn.
- Bình đi theo các số có chữ số **3** ở hàng trăm.
- Khi sửa bài, GV có thể treo hình vẽ lên bảng lớp, cho HS trình bày.
  - Mai đi đến **thư viện**.
  - Bình đi đến **sân bóng đá**.



## SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ (2 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Khái quát hoá cách so sánh các số có năm chữ số theo hàng.  
Thực hiện so sánh các số có năm chữ số.  
Xếp thứ tự nhóm không quá bốn số trên tia số.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan việc so sánh số.
- Làm tròn số đến hàng chục nghìn.

**2. Năng lực chủ trọng:** tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

### B. Thiết bị dạy học

GV và HS: Bộ đồ dùng học số.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞI ĐỘNG

#### Trò chơi ĐỐ BẠN

GV cho HS so sánh các số có bốn chữ số.

GV đọc số, HS viết số vào bảng con rồi điền dấu so sánh.

Ví dụ:

GV: tám nghìn hai trăm; sáu nghìn chín trăm bảy mươi bảy.

HS: viết bảng con lần lượt từng số, rồi điền dấu so sánh.

...

GV giúp HS ôn lại cách so sánh hai số trong phạm vi 10 000.

### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. So sánh số có năm chữ số

##### a) So sánh 2743 và 10520

- HS **quan sát** bảng thứ nhất để trả lời câu hỏi:

So sánh hai số 2743 và 10520.

→ **Quan sát** hình ảnh các khối lập phương biểu thị hai số (sử dụng SGK).

→ **So sánh** số lượng khối lập phương của hình trên và hình dưới:

+ Hình trên chưa tới 3 nghìn khối.

+ Hình dưới hơn 10 nghìn khối.

→ Số khối hình trên ít hơn số khối hình dưới.

→  $2743 < 10520$  hay  $10520 > 2743$

- Số có ít chữ số hơn thì bé hơn.

Số có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn.

##### b) So sánh 13359 và 12807

- GV đặt vấn đề và thực hiện tương tự phần a).

Lưu ý:

+ Hình trên và hình dưới cùng có 1 chục nghìn khối.

+ 3359 khối nhiều hơn 2807 khối.

→ Số khối hình trên nhiều hơn số khối hình dưới.

→  $13359 > 12807$  hay  $12807 < 13359$ .

- Khi so sánh hai số có năm chữ số, ta thực hiện như sau (GV vừa nói vừa tô màu các chữ số như SGK):

+ So sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng,

kể từ trái sang phải. ( $1 = 1$ )

+ Cặp chữ số đầu tiên khác nhau:

Số có chữ số lớn hơn thì lớn hơn.

( $3 > 2 \rightarrow 13359 > 12807$ )

1 3 3 5 9  
1 2 8 0 7

giống nhau khác nhau:  $3 > 2$

## 2. Thực hành

### Bài 1: So sánh số

- HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm đôi.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích**.

Ví dụ:

- 3 792 và 10 000  
Số có ít chữ số hơn thì bé hơn  $\rightarrow 3\ 792 < 10\ 000$ .
- 59 901 và 59 03  
 $5 = 5, 9 = 9, 9 > 7 \rightarrow 59\ 901 > 59\ 03$ .

### Bài 2:

- HS (nhóm đôi) **đọc** các yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi **thảo luận**.

Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em viết theo cột dọc để so sánh thuận lợi.

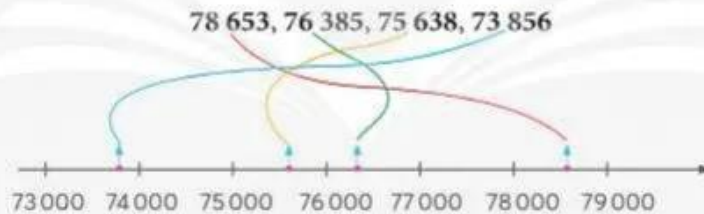
- HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ**.

- a) HS **đọc** để sửa bài, GV viết lên bảng:

78 635, 76 385, 75 638, 73 856.

GV viết các số theo cột dọc để giải thích.

- b) GV vẽ tia số dưới các số đã xếp ở câu a) để HS **nối** vào vị trí trên tia số.  
(Có thể cho HS chơi tiếp sức.)



GV lưu ý HS: Trên tia số, các số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

- HS (nhóm bốn) thảo luận, **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

- Thay **?** bằng chữ số thích hợp.
- Thay bằng cách nào? (So sánh từng cặp chữ số.)

- Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **nói** cách làm.

Ví dụ:  $78\ 659 < 7\ ?\ 825$

$\rightarrow$  Có thể thay dấu **?** bằng chữ số 9 hoặc chữ số 8,  
vì  $78\ 659 < 79\ 825$  và  $78\ 659 < 78\ 825$

...

### Bài 2:

- HS nhóm đôi **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu, **thảo luận**.
- HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm đôi.
- Sửa bài, khuyến khích các em **giải thích** cách làm.

Ví dụ:

a) Đúng ( $1\text{ m} = 100\text{ cm}$ ,  $1\text{ m } 24\text{ cm} = 124\text{ cm}$ ).

b) Đúng ( $1\text{ l} = 1000\text{ ml} \rightarrow 750\text{ ml} < 1\text{ l}$ ).

c) Sai ( $25\text{ kg} = 20\text{ kg } 5\text{ kg}$

$1\text{ kg} = 1000\text{ g} \rightarrow 5\text{ kg} = 5000\text{ g} \rightarrow 500\text{ g} < 5\text{ kg}$

$\rightarrow 20\text{ kg } 500\text{ g} < 25\text{ kg} \rightarrow$  Bao gạo nặng hơn).

- GV giúp HS hệ thống hoá mối quan hệ giữa các đơn vị (m, cm – kg, g – l, ml).

### Bài 3: Làm tròn số đến hàng chục nghìn.

- Tim hiểu ví dụ. HS nhóm đôi **dựa vào** cách làm tròn số đã biết, **nhận xét**:
  - + Các số được làm tròn đến hàng nào? (Hàng chục nghìn.)
  - + Cần quan sát chữ số hàng nào? (Hàng nghìn.)
  - + Các chữ số hàng nghìn là 0, 1, 2, 3, 4 thì sao? (Chữ số hàng chục nghìn giữ nguyên.)
  - + Các chữ số hàng nghìn là 5, 6, 7, 8, 9 thì sao? (Chữ số hàng chục nghìn thêm 1.)
  - + Sau khi làm tròn số ta được số tròn chục nghìn.
- GV hệ thống cách làm tròn số đến hàng chục nghìn.

Khi làm tròn số đến hàng chục nghìn: Ta quan sát chữ số hàng nghìn.

- Nếu chữ số hàng nghìn là 0, 1, 2, 3, 4  
Chữ số hàng chục nghìn giữ nguyên.  
Các chữ số hàng nghìn, trăm, chục và đơn vị thay bởi các chữ số 0 (tận cùng 0 000).
- Nếu chữ số hàng nghìn là 5, 6, 7, 8, 9  
Chữ số hàng chục nghìn: cộng thêm 1.  
Các chữ số hàng nghìn, trăm, chục và đơn vị thay bởi các chữ số 0 (tận cùng 0 000).

- HS **thảo luận** (nhóm đôi), **thực hiện** và **trình bày, giải thích**.

a) Làm tròn số 94 162 đến hàng chục nghìn thì được số 90 000.

b) Làm tròn số 69 801 đến hàng chục nghìn thì được số 70 000.

c) Làm tròn số 26 034 đến hàng chục nghìn thì được số 30 000.

### Thử thách

- HS (nhóm bốn) **thảo luận, tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

- Thay ★ bằng số thích hợp.
- Thay bằng cách nào? (Dựa vào cấu tạo số.)

- Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **nói** cách làm.

Ví dụ:  $78\ 309 = 70\ 000 + 8\ 000 + 300 + 9$

Vậy thay ★ bằng số 300.

...



# PHÉP CỘNG CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

## (2 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

– Xây dựng biện pháp cộng các số có năm chữ số (không nhớ, có nhớ không quá 2 lần, không liên tiếp).

– Cộng nhẩm trong phạm vi 10 000, tính giá trị của biểu thức.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100 000.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực, nhân ái.

### B. Thiết bị dạy học

GV: Các thẻ số cho bài học, hình vẽ tóm tắt Luyện tập 4 (nếu cần).

HS: Các thẻ số cho nội dung bài học.

### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

#### KHỞ ĐỘNG

– GV: Khi cộng các số có bốn chữ số, ta phải làm thế nào?

- **Đặt tính.**

Lưu ý điều gì? (Các chữ số cùng hàng đặt thẳng cột với nhau.)

- **Tính.**

Trước khi tính, ta lưu ý điều gì? (Quan sát xem đây có là phép cộng có nhớ không.)

Cộng theo thứ tự nào? (Từ phải sang trái.)

– GV đặt vấn đề: Vậy với phép cộng các số có năm chữ số thì làm thế nào? (Thực hiện như cộng các số có bốn chữ số.)

#### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. Giới thiệu phép cộng các số trong phạm vi 100 000 (không nhớ)

– GV viết bảng:  $31\,421 + 12\,515 = ?$

– HS đặt tính rồi tính (bảng con).

– HS dùng độ dùng học tập để kiểm tra lại kết quả vừa tính.

HS so sánh với kết quả đã làm khi thực hiện tính dọc. (Lưu ý: HS nào làm sai kết quả, GV hướng dẫn để HS tự điều chỉnh.)